

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Bà Đinh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2024/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số nhà M đường L, tổ C, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ liên hệ: Tổ T, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số nhà M đường L, tổ C, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà B, ông L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Tấn L tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 03 năm thì tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau 01 thời gian thì đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2003, quyền số 01 cấp ngày 26/9/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà ba mẹ chồng cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L không làm ăn lo cho gia đình, thường tụ tập uống rượu, cờ bạc rồi về nhà chửi mắng, sỉ nhục, đánh đập bà Nguyễn Thị B. Lúc con còn

nhỏ, cũng đã nhiều lần ông L đối xử với bà Nguyễn Thị B như vậy, bà B ôm con bỏ đi nhưng sau đó vì thương con nên bà bỏ qua và về chung sống với ông L. Bà B cố nhịn nhục sống với ông L nhưng ông L không thay đổi tâm tính mà ngày càng quá đáng hơn. Đầu tháng 7/2024, bà B sang nhà con trai lớn sinh sống cho đến nay, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong thời gian bà B bỏ đi, ông L nhiều lần đến nhà con trai bà B để chửi mắng, sỉ nhục bà. Bà B đón xe đi làm thì ông L đến trạm xe chửi mắng bà. Nay bà Nguyễn Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Tấn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1998 và Bùi Văn Th, sinh năm 2001. Các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025, bị đơn ông Bùi Tấn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, giữa hai người có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân là do bà B ham chơi, thường xuyên tụ tập, không lo chăm sóc gia đình. Ông L nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà B không thay đổi. Nội dung bà B trình bày trong đơn khởi kiện cho rằng ông L thường xuyên đánh đập, hành hạ bà B là không đúng sự thật. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Nay, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản ông L muốn để lại cho con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/01/2025, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Tấn L tại địa phương và được cung cấp: Bà B và ông L trong quá trình chung sống thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ tháng 7/2024 đến nay, ông L và bà B không còn chung sống cùng nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào

Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2003, bà B, ông L kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 7/2024 đến nay, ông L và bà B không còn chung sống cùng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà B, ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B; Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Tấn L có thời gian tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 03 năm thì tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau 01 thời gian thì đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2003, quyền số 01 cấp ngày 26/9/2003, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bà B, ông L, thực tế cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không tin tưởng nhau, đến tháng 7/2024, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông L đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1998 và Bùi Văn Th, sinh năm 2001. Các con đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Tòa án không xem xét là có cơ sở.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Bùi Tấn L. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Bùi Tấn L về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Bùi Tấn L.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Văn C, sinh năm 1998 và Bùi Văn Th, sinh năm 2001. Các con đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005034 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung